

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/HS-PT  
Ngày: 07-01-2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Hữu Hồng  
*Các Thẩm phán:* Bà Vũ Thị Nguyệt  
Ông Nguyễn Văn Bình

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Đào Thị Lương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:***  
Bà Trần Thị Đào - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 217/TLPT-HS ngày 09/11/2021 đối với bị cáo Bùi Minh C và đồng phạm, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 97/2021/HS-ST ngày 28/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

***- Bị cáo kháng cáo:***

**1. Bùi Minh C**; sinh năm 1982 tại tỉnh Thanh Hóa; nơi ĐKKHKT và cư trú: Thôn R'Hang Trụ, xã P, huyện L, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hoá: Không; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Minh P, sinh năm 1956 và bà Bùi Thị N, sinh năm 1958; vợ Nguyễn Thị P, sinh năm 1982 và có 04 người con, lớn nhất sinh năm 2005, nhỏ nhất sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 04/12/2020 đến ngày 05/02/2021 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh (có mặt).

**2. Bùi Minh L**, sinh năm 1987 tại tỉnh Thanh Hóa; nơi ĐKKHKT và nơi cư trú: Thôn Phúc Lộc, xã P, huyện L, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hoá: Lớp 5/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên Chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Minh P, sinh năm 1956 và bà Bùi Thị N, sinh năm 1958; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 28/12/2020 đến ngày 05/02/2021 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh (có mặt).

**3. Trần Duy T**, sinh năm 1982 tại tỉnh Thanh Hóa; nơi ĐKKHKT và cư

trú: Thôn R'Hang Trụ, xã P, huyện L, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hoá: Không; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên Chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Duy H, sinh năm 1957 và bà Đỗ Thị H1, sinh năm 1958; vợ Nguyễn Thị T, sinh năm 1982 và có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2004, nhỏ nhất sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/11/2020 đến ngày 05/02/2021 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh (có mặt).

**4. Trần Văn L1;** sinh năm 1992 tại tỉnh Thanh Hóa; nơi ĐKHKTT và cư trú: Thôn R'Hang Trụ, xã P, huyện L, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hoá: Lớp 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên Chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Duy H, sinh năm 1957 và bà Đỗ Thị H1, sinh năm 1958; vợ Nguyễn Kim T, sinh năm 1998 và có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2015, nhỏ nhất sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/11/2020 đến ngày 05/02/2021 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh (có mặt).

**5. Trần Văn T1;** sinh năm 1986 tại tỉnh Thanh Hóa; nơi ĐKHKTT và cư trú: Thôn R'Hang Trụ, xã P, huyện L, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hoá: Không; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên Chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Duy H, sinh năm 1957 và bà Đỗ Thị H1, sinh năm 1958; vợ Ngô Thị H, sinh năm 1987 và có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2009, nhỏ nhất sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/11/2020 đến ngày 05/02/2021 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh (có mặt).

**6. Nguyễn Văn C;** sinh năm 1994 tại tỉnh Thanh Hóa; nơi ĐKHKTT và cư trú: Thôn R'Hang Trụ, xã P, huyện L, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hoá: Lớp 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên Chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1954 và bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1956; vợ Lê Thị L, sinh năm 1995 và có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2015, nhỏ nhất sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 04/01/2021 đến ngày 05/02/2021 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh (có mặt).

*Người bào chữa cho bị cáo C:* Luật sư Lê Kim X – Văn phòng luật sư N, Đoàn Luật sư tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng đầu tháng 10/2020, ông Nguyễn Văn TU, sinh năm 1963, ngụ tại: Thôn R'Hang Trụ, xã P, huyện L, tỉnh Lâm Đồng có nhu cầu mua gỗ để làm nhà nên khi gặp Bùi Minh C, HKTT: Thôn R'Hang Trụ, xã P, huyện L tại quán cà phê đã liên hệ đặt vấn đề mua gỗ. Sau khi được ông TU liên hệ, C đã rủ Trần Văn T1, Trần Duy T, Trần Văn L1, cùng trú tại: Thôn R'Hang Trụ, xã P, huyện L và Bùi Minh L, HKTT: Thôn Phúc Lộc, xã P, huyện L đi lên rừng cưa xẻ cây

lấy gỗ về bán cho ông TU để lấy tiền tiêu xài thì tất C cùng đồng ý. Sau đó C, T, T1, L1, L đã đến Lô b1 - Khoảnh 2 - Tiểu khu 249 thuộc địa giới hành Cnh xã Đạ Đờn do Ban Quản lý rừng phòng hộ L quản lý để tiến hành cưa hạ các cây gỗ De và gỗ Bạch Tùng. Khi đi C, T, T1, L1, L điều khiển xe máy và tự trang bị dây dù, móc sắt, đèn pin đội đầu và các dụng cụ phục vụ cho việc cưa xẻ cây, riêng C và T mỗi người mang thêm 01 cưa máy. Khi tới khu vực có các cây gỗ De và gỗ Bạch Tùng tại Lô b1 – Khoảnh 2 – Tiểu khu 249 thì C, T1 và T thay phiên nhau cưa hạ 03 cây De và 01 cây Bạch Tùng rồi xẻ thành các hộp gỗ vuông có chiều rộng khoảng 20 - 25cm, dày 10 - 15cm, dài 02 - 03m, còn L1 phụ dọn cây, bê gỗ và L làm nhiệm vụ Cnh giới, báo hiệu khi có người lạ xuất hiện. Thời gian bắt đầu đi cưa xẻ gỗ trên rừng là từ khoảng 17 giờ 30 phút và làm đến khoảng 23 giờ đêm cùng ngày thì nghỉ. Khi xẻ gỗ ra thành từng hộp xong thì C nhóm sử dụng móc sắt, dây, xe máy kéo ra khỏi rừng chở đi. Số hộp gỗ cưa xẻ được gồm C gỗ De và Bạch tùng thì được C, T1, T, L1 chở về bán cho ông TU. Riêng L chỉ tham gia khai thác gỗ và chuyển về bãi tập kết mà không tham gia vận chuyển gỗ từ bãi tập kết về nhà ông TU. Tổng khối lượng gỗ mà nhóm của C cưa xẻ được sau đó chở về bán cho ông TU khoảng 02m<sup>3</sup> và được ông TU trả cho số tiền là 8.000.000đ. Số tiền này C nhóm chia nhau và đã tiêu xài cá nhân hết.

Sau khi xẻ gỗ bán cho ông TU trót lọt, C và T tiếp tục liên hệ với ông Vũ Duy D, trú tại: Tổ dân phố Đông Đa, thị trấn Nam Ban, huyện L, tỉnh Lâm Đồng để đặt vấn đề có gỗ Bạch tùng bán và được ông D đồng ý mua. Sau khi ông D đồng ý mua thì nhóm C, T, T1, L1, L rủ thêm Nguyễn Văn C, ngụ tại: Thôn R'Hang Trụ, xã P, huyện L, tỉnh Lâm Đồng cùng tham gia khi khai thác gỗ trái phép thì C đồng ý. Sau đó C nhóm đi tới Lô b1 – Khoảnh 2 – Tiểu khu 249 để cưa hạ các cây gỗ Bạch tùng. Quá trình cưa xẻ gỗ bán cho ông D thì C, T1 và T tiếp tục thay phiên nhau cưa hạ và xẻ các cây Bạch Tùng thành các hộp, phách gỗ có kích thước chiều rộng bề mặt hộp từ 25 - 30cm, dày từ 12 - 15cm, chiều dài từ 2,5 - 3m, số còn lại làm nhiệm vụ canh giới và phụ giúp kéo gỗ ra điểm tập kết. Sau khi xẻ được gỗ thì tất C cùng nhau vận chuyển ra khỏi rừng và đưa về khu vực vườn trước nhà T1 cất giấu. Cứ khoảng 02 đến 03 ngày khi số lượng gỗ mà C nhóm khai thác trái phép được từ 02 - 03m<sup>3</sup> thì C điện thoại cho ông D mang xe qua chở về và ngày hôm sau C đi qua nhà ông D để đo gỗ và lấy tiền. Tổng cộng nhóm C bán gỗ cho ông D được 03 lần với khoảng 08 m<sup>3</sup> gỗ loại Bạch Tùng và ông D trả cho nhóm C số tiền là 50.000.000 đồng. Số tiền này C nhóm cũng đã chia nhau và tiêu xài cá nhân hết.

Quá trình khám nghiệm hiện trường xác định: Hiện trường vụ “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản” xảy ra tại Lô b1 - Khoảnh 2 - Tiểu khu 249 thuộc địa giới hành chính xã Đạ Đờn, huyện L, tỉnh Lâm Đồng do Ban Quản lý rừng phòng hộ huyện L quản lý, đối tượng bị tác động thuộc đất rừng sản xuất và là rừng tự nhiên. Quá trình kiểm tra xác định tổng số có 11 cây gỗ, trong đó có 04 cây gỗ De và 07 cây gỗ Bạch Tùng thuộc nhóm IV bị cưa hạ có đường kính gốc trung bình từ 38cm đến 72cm, đã xẻ bóc hết phần bìa bên ngoài lấy đi một phần gỗ bên trong. Tổng khối lượng lâm sản thiệt hại đối với

cây Bạch Tùng và cây gỗ De là  $26,06\text{m}^3$  trong đó còn tại hiện trường là  $1,966\text{m}^3$  gỗ Bạch tùng, gỗ De là  $2,229\text{m}^3$ .

Ngày 24/12/2020, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng huyện L, tỉnh Lâm Đồng kết luận khối lượng lâm sản bị thiệt hại là  $26,06\text{m}^3$  đối với cây Bạch Tùng và cây gỗ De bị cưa xẻ tại Lô b1 - Khoảnh 2 - Tiểu khu 249 thuộc địa giới hành chính xã Đa Đồn, huyện L, tỉnh Lâm Đồng xác định: Giá trị thiệt hại về lâm sản là 61.865.600đ. Giá trị thiệt hại về môi trường là 185.596.800đ.

Vật chứng thu giữ gồm:

- 01 (một) xe máy màu xanh hiệu Wave, biển kiểm soát 99H2 - 5027, đã tháo hết phần vỏ nhựa bên ngoài, có số máy VLKIC150FMG – 2/000118058, số khung VLKDCG012LK/118058, đã qua sử dụng; 01 (một) xe mô tô không biển kiểm soát, đã tháo hết phần vỏ nhựa bên ngoài, xe có số máy 358157, số khung VDTDCHO150T358157, lốc máy một bên nhãn hiệu Daehan, một bên nhãn hiệu FUSIN, xe đã qua sử dụng; 01 (một) xe máy không rõ nhãn hiệu, biển kiểm soát 49N2 - 3665, bị tháo hết phần vỏ, nhựa bên ngoài, lốc máy nhãn hiệu Daehan, đèn trước màu đỏ, đã qua sử dụng; 01 (một) xe mô tô không biển kiểm soát, đã tháo hết phần vỏ nhựa bên ngoài, xe có số máy 01716795, số khung 041632, lốc máy một bên nhãn hiệu Honda, xe đã qua sử dụng.

- 01 (một) điện thoại màu xanh, hiệu Nokia, đã qua sử dụng có model TA – 1010, code: 059Z1K,imei: 357342089056027; 01 (một) điện thoại màu đỏ, hiệu VIVO 1726 đã qua sử dụng.

- 01 (một) cửa máy màu đỏ cam, có ký hiệu KAWARZHIMA không có phần hệ thống lưỡi cửa, xích cửa; 01 (một) đèn pin loại đội đầu. Tất C đã qua sử dụng.

- 01 (một) con dao loại dao rựa mũi bằng, C cán và lưỡi dài 40cm, chuôi dao bằng gỗ hình tròn dài 15cm hai đầu được bọc khoen sắt tròn, lưỡi dao bằng sắt mài sắc một cạnh bản rộng 5cm.

- 01 ví da màu nâu đã cũ; 01 chứng minh nhân dân số 251264578 và số tiền 393.000đ,

-  $1,966\text{m}^3$  gỗ cây Bạch tùng và  $2,229\text{m}^3$  gỗ cây De tại Lô b1 - Khoảnh 2 - Tiểu khu 249;  $1,555\text{m}^3$  gỗ Bạch tùng tại nhà ông Nguyễn Văn TU và  $1,698\text{m}^3$  gỗ Bạch tùng tại nhà ông Vũ Duy D.

Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng giao lại  $1,966\text{m}^3$  gỗ cây Bạch tùng và  $2,229\text{m}^3$  gỗ cây De tại Lô b1 - Khoảnh 2 - Tiểu khu 249 xã Đa Đồn, huyện L, tỉnh Lâm Đồng và số gỗ Bạch Tùng thu giữ tại nhà ông TU và ông D cho Hạt kiểm lâm huyện L xử lý theo quy định và Hạt kiểm lâm huyện L đã bán đấu giá toàn bộ số gỗ trên và đã nộp vào ngân sách nhà nước toàn bộ giá trị số lâm sản trên. Đồng thời Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trả cho Trần Văn L1 01 ví da màu nâu đã cũ; 01 chứng minh nhân dân số 251264578 và số tiền 393.000đ.

Về trách nhiệm dân sự: Ban quản lý rừng phòng hộ L đề nghị xem xét theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo đã tự nguyện tạm nộp tiền khắc phục hậu quả cụ thể như sau: bị cáo Bùi Minh C đã tạm nộp 20.611.000đ; bị cáo Bùi Minh L đã tạm nộp 10.311.000đ; bị cáo Trần Văn T1 tạm nộp 10.311.000đ; bị cáo Trần Văn L1 tạm nộp 10.311.000đ; bị cáo Trần Duy T tạm nộp 10.311.000đ.

Tại Bản cáo trạng số 67/CT-VKS ngày 14/6/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Lâm Đồng đã truy tố các bị cáo Bùi Minh C, Bùi Minh L, Trần Duy T, Trần Văn T1, Trần Văn L1 về tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 232 của Bộ luật Hình sự năm 2015; bị cáo Nguyễn Văn C về tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 232 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 97/2021/HSST ngày 28/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Lâm Đồng đã xử:

Tuyên bố các bị cáo Bùi Minh C, Bùi Minh L, Trần Duy T, Trần Văn T1, Trần Văn L1, Nguyễn Văn C phạm tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản”.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 232; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Bùi Minh C 42 (bốn mươi hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian đã bị tạm giam từ ngày 04/12/2020 đến ngày 05/02/2021 vào thời gian chấp hành hình phạt tù.

Xử phạt bị cáo Bùi Minh L 30 (ba mươi) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian đã bị tạm giam từ ngày 28/12/2020 đến ngày 05/02/2021 vào thời gian chấp hành hình phạt tù.

Xử phạt bị cáo Trần Duy T 36 (ba mươi sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/11/2020 đến ngày 05/02/2021 vào thời gian chấp hành hình phạt tù.

Xử phạt bị cáo Trần Văn T1 36 (ba mươi sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/11/2020 đến ngày 05/02/2021 vào thời gian chấp hành hình phạt tù.

Xử phạt bị cáo Trần Văn L1 30 (ba mươi) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/11/2020 đến ngày 05/02/2021 vào thời gian chấp hành hình phạt tù.

- Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 232; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian đã bị tạm giam từ ngày 04/01/2021 đến ngày 05/02/2021 vào thời gian chấp hành hình phạt tù.

Ngoài ra bản án còn giải quyết phần trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 04/10/2021 bị cáo Bùi Minh L, Trần Duy T, Trần Văn T1, Trần Văn L1, Nguyễn Văn C kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Ngày 05/10/2021 bị cáo Bùi Minh C kháng cáo xin giảm nhẹ hình và xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Các bị cáo không thắc mắc khiếu nại bản án sơ thẩm và giữ nguyên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin được hưởng án treo.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn C trình bày luận cứ bào chữa và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 cho bị cáo C, chấp nhận yêu cầu kháng cáo, áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 cho bị cáo được hưởng án treo theo quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng đề nghị căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự; đề nghị chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo Bùi Minh C, Trần Duy T, Trần Văn T1, giảm cho các bị cáo từ 03 đến 06 tháng tù; đề nghị chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Bùi Minh L, Trần Văn L1, Nguyễn Văn C, áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 cho các bị cáo được hưởng án treo và áp dụng thời gian thử thách đối với các bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét đơn kháng cáo của các bị cáo Bùi Minh C, Bùi Minh L, Trần Duy T, Trần Văn L1, Trần Văn T1, Nguyễn Văn C gửi đến trong hạn luật định và đúng quy định nên thời hạn kháng cáo của các bị cáo là hợp lệ, nội dung kháng cáo của các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

[2] Vào khoảng đầu tháng 10/2020, sau khi gặp và thỏa thuận mua bán gỗ với ông Nguyễn Văn TU, Bùi Minh C đã chủ động rủ Trần Văn T1, Trần Duy T, Trần Văn L1, Bùi Minh L đi lên rừng cưa xẻ cây lấy gỗ về bán cho ông TU để lấy tiền tiêu xài thì tất C cùng đồng ý. C nhóm dùng xe máy mang theo các dụng cụ để phục vụ cho việc lên rừng cưa xẻ gỗ trong đó C và T mang theo cưa máy. Khi đến Lô b1 – Khoảnh 2 – Tiểu khu 249 thì C, T1 và T thay phiên nhau cưa hạ 03 cây De và 01 cây Bạch Tùng rồi xẻ thành các hộp gỗ vuông có chiều rộng khoảng 20 - 25cm, dày 10 - 15cm, dài 02 - 03m, còn L1 phụ dọn cây, bê gỗ và L làm nhiệm vụ Cnh giới, báo hiệu khi có người lạ xuất hiện. Khi xẻ gỗ ra thành từng hộp xong thì C nhóm sử dụng móc sắt, dây, xe máy kéo ra khỏi rừng chở đi. Số hộp gỗ cưa xẻ được gồm C gỗ De và Bạch tùng thì được C, T1, T, L1 chở về bán cho ông TU. Riêng L chỉ tham gia khai thác gỗ và chuyển về bãi tập kết

mà không tham gia vận chuyển gỗ từ bãi tập kết về nhà ông TU. Tổng khối lượng gỗ mà nhóm của C cưa xẻ được sau đó chở về bán cho ông TU khoảng  $02m^3$  và được ông TU trả cho số tiền là 8.000.000đ. Số tiền này C nhóm chia nhau và đã tiêu xài cá nhân hết.

[3] Sau đó, C và T liên hệ với ông Vũ Duy D để đặt vấn đề có gỗ Bạch tùng bán và được ông D đồng ý mua. C, T, T1, L1, L tiếp tục vào tại Lô b1 – Khoảnh 2 – Tiểu khu 249 để cưa hạ các cây gỗ Bạch tùng và rủ thêm Nguyễn Văn C cùng tham gia khai thác gỗ trái phép thì C đồng ý. Quá trình cưa xẻ gỗ bán cho ông D thì C, T1 và T tiếp tục thay phiên nhau cưa hạ và xẻ các cây Bạch Tùng thành các hộp, phách gỗ có kích thước chiều rộng bề mặt hộp từ 25 - 30cm, dày từ 12 - 15cm, chiều dài từ 2,5 - 3m, số còn lại làm nhiệm vụ Cnh giới và phụ giúp kéo gỗ ra điểm tập kết. Sau khi xẻ được gỗ thì tất C cùng nhau vận chuyển ra khỏi rừng và đưa về khu vực vườn trước nhà T1 cất giấu. Cứ khoảng 02 đến 03 ngày khi số lượng gỗ mà C nhóm khai thác trái phép được từ 02 -  $03m^3$  thì C điện thoại cho ông D mang xe qua chở về và ngày hôm sau C đi qua nhà ông D để đo gỗ và lấy tiền. Tổng cộng nhóm C bán gỗ cho ông D được 03 lần với khoảng  $08 m^3$  gỗ loại Bạch Tùng và ông D trả cho nhóm C số tiền là 50.000.000đ. Số tiền này C nhóm cũng đã chia nhau và tiêu xài cá nhân hết.

Hiện trường vụ “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản” xảy ra tại Lô b1 - Khoảnh 2 - Tiểu khu 249 thuộc địa giới hành chính xã Đa Đồn, huyện L, tỉnh Lâm Đồng do Ban Quản lý rừng phòng hộ huyện L quản lý, đối tượng bị tác động thuộc đất rừng sản xuất và là rừng tự nhiên. Quá trình kiểm tra xác định tổng số có 11 cây gỗ, trong đó có 04 cây gỗ De và 07 cây gỗ Bạch Tùng thuộc nhóm IV bị cưa hạ có đường kính gốc trung bình từ 38cm đến 72cm, đã xẻ bóc hết phần bìa bên ngoài lấy đi một phần gỗ bên trong. Tổng khối lượng lâm sản thiệt hại đối với cây Bạch Tùng và cây gỗ De là  $26,06m^3$  trong đó còn tại hiện trường là  $1,966m^3$  gỗ Bạch tùng, gỗ De là  $2,229m^3$ .

Ngày 24/12/2020, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng huyện L, tỉnh Lâm Đồng kết luận giá trị thiệt hại về lâm sản là 61.865.600đ; giá trị thiệt hại về môi trường là 185.596.800đ.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo thành khẩn khai báo, thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Lâm Đồng đã xét xử. Tội phạm và hành vi thực hiện tội phạm của các bị cáo đã được bản án sơ thẩm phân tích, đánh giá đối với từng vai trò tham gia của từng bị cáo và tuyên bố các bị cáo Bùi Minh C, Bùi Minh L, Trần Duy T, Trần Văn T1, Trần Văn L1 cùng phạm tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản” theo điểm b khoản 2 Điều 232 của Bộ luật Hình sự năm 2015; bị cáo Nguyễn Văn C phạm tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản” theo điểm b khoản 1 Điều 232 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Xét kháng cáo của các bị cáo Bùi Minh C, Bùi Minh L, Trần Duy T, Trần Văn L1, Trần Văn T1, Nguyễn Văn C: Hội đồng xét xử thấy rằng, qua lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm và phiên tòa phúc thẩm; khi

lượng hình cấp sơ thẩm đã phân tích đánh giá vai trò tham gia đối với từng bị cáo trong vụ án, các bị cáo đã khắc phục một phần hậu quả do hành vi phạm tội gây ra, cụ thể: Bị cáo C 20.611.000đ, các bị cáo L, T1, T, L1 10.311.000đ. Bản án sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, riêng bị cáo Nguyễn Văn C được áp dụng theo điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 để quyết định hình phạt tương xứng với mức độ và hành vi phạm tội của các bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo kháng cáo xin được hưởng án treo và xuất trình các biên lai nộp tiền khắc phục toàn bộ hậu quả, cụ thể: Bị cáo C nộp số tiền 19.589.000đ; các bị cáo L, L1, T, T1 nộp số tiền 29.889.000đ; bị cáo C nộp số tiền 15.000.000đ. Như vậy các bị cáo C, L, T, T1, L1 đã khắc phục toàn bộ hậu quả do hành vi phạm tội gây ra. Riêng bị cáo C cũng đã cố gắng phục một phần hậu quả đã nộp 15.000.000đ. Tại phiên tòa phúc thẩm, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng giữ quyền công tố đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, sửa bản án sơ thẩm, giảm cho các bị cáo Bùi Minh C, Trần Duy T, Trần Văn T1 từ 03 đến 06 tháng tù; áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 cho các bị cáo Bùi Minh L, Trần Văn L1, Nguyễn Văn C được hưởng án treo.

Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng là có căn cứ. Do vậy, cần xem xét đến vai trò của từng bị cáo, đồng thời trong vụ án này các bị cáo đều là anh em trong một gia đình, nhất thời phạm tội. Các bị cáo đã khắc phục hậu quả, cần áp dụng thêm cho các bị cáo tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo, giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo Bùi Minh C, Trần Duy T, Trần Văn T1, đồng thời chấp nhận kháng cáo đối với các bị cáo Bùi Minh L, Trần Văn L1, Nguyễn Văn C, áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 cho các bị cáo L, L1, C được hưởng án treo cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm nói chung.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo C, L, T1, T, L1 đã khắc phục xong hậu quả. Bị cáo C đã khắc phục 15.000.000đ, còn phải tiếp tục nộp số tiền 12.962.400đ.

[6] Về án phí: Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c, e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo Bùi Minh C, Trần Duy T, Trần Văn T1.

- Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Bùi Minh L, Trần Văn L1, Nguyễn Văn C.



Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 97/2021/HSST ngày 28/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

Tuyên bố các bị cáo Bùi Minh C, Bùi Minh L, Trần Duy T, Trần Văn T1, Trần Văn L1, Nguyễn Văn C phạm tội *“Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản”*.

1.1. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 232; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Bùi Minh C 36 (ba mươi sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian đã bị tạm giam từ ngày 04/12/2020 đến ngày 05/02/2021 vào thời gian chấp hành hình phạt tù.

Xử phạt bị cáo Trần Duy T 30 (ba mươi) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/11/2020 đến ngày 05/02/2021 vào thời gian chấp hành hình phạt tù.

Xử phạt bị cáo Trần Văn T1 30 (ba mươi) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/11/2020 đến ngày 05/02/2021 vào thời gian chấp hành hình phạt tù.

1.2. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 232; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Bùi Minh L 30 (ba mươi) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 60 (sáu mươi) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 07/01/2022).

Xử phạt bị cáo Trần Văn L1 30 (ba mươi) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 60 (sáu mươi) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 07/01/2022).

1.3. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 232; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 07/01/2022).

*Giao các bị cáo Bùi Minh L, Trần Văn L1, Nguyễn Văn C cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh Lâm Đồng nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Cnh quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách.*

*Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật này. Trong trường hợp*

*các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.*

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không có kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Lâm Đồng (01);
- Vụ GDKT I – TANDTC (01);
- Phòng KTNV&THA (02);
- Sở Tư pháp tỉnh Lâm Đồng (01);
- Phòng PV27- CA tỉnh Lâm Đồng (01);
- TAND huyện L (06);
- VKSND huyện L (01);
- Cơ quan CSĐT CA L (01);
- Cơ quan THAHS CA L (01);
- Bị cáo (06);
- Hồ sơ THAHS (04);
- Lưu hồ sơ; Ấn văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(đã ký)*

**Nguyễn Hữu Hồng**